

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỐNG NHẤT  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53** /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 8 – 2024

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Lam

Bà Lê Thị Chúc Ngân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại Hội trường B Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 451/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Hồng L** - sinh năm 1997; CCCD số 075197013372 cấp ngày 25/02/2022.

Địa chỉ: Số 50/9, khu phố T, phường X, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

**- Bị đơn:** Anh **Vũ Tấn A** - sinh năm: 1992; CCCD số 075092005865 cấp ngày 24/11/2023.

Địa chỉ: Số 351/9, khu phố P, thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

*(Chị L, anh A đều vắng mặt tại phiên tòa)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Hồng L trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh A có quen biết tìm hiểu nhau khoảng gần 01 năm và tự nguyện tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND phường Xuân Lập, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/9/2019. Đây là hôn nhân lần đầu của chị L.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 351/9, khu phố Phan Bội Châu thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng năm 2023, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm tính tình không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn xúc phạm danh dự nhau. Mặt khác, anh An không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, chị L đã nhiều lần đọc được những tin nhắn tình cảm giữa anh A và người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích.

Khoảng tháng 2/2024 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị L đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại Long Khánh để sinh sống và có nộp đơn ly hôn. Sau khi được Tòa án hòa giải chị L đã rút đơn quay về chung sống cùng anh A và cho anh A một cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng tuy nhiên anh A vẫn không khắc phục. Đến tháng 6/2024 do mâu thuẫn tiếp tục xảy ra nên chị L đã bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở Long Khánh để sinh sống cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân, thỉnh thoảng anh A có đến nhà chị L để đưa rước con đi chơi chứ không vào nhà. Vợ chồng không nói chuyện hay hòa giải được với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng vẫn không khắc phục được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Tấn An.

*Về con chung:* Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Vũ Tấn Pt, sinh ngày 16/11/2019. Khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Hiện chị chưa có công việc, hàng tháng được anh chị em cho 7.000.000đ (bảy triệu đồng) để nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:* không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Ý kiến trình bày của bị đơn anh Vũ Tấn A:** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai bị đơn anh An trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh A và chị L quen biết tìm hiểu nhau khoảng 01 năm thì tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn và được UBND phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/9/2019. Đây là hôn nhân lần đầu của anh.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại số 351/9, khu phố Phan Bội Châu thị trấn Dầu Giây, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh khoảng tháng 2/2024 nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Thêm vào đó chị L là người có tính ghen tuông nên thường xuyên nghi ngờ anh A không chung thủy nên vợ chồng không có sự tin tưởng nhau và thường xuyên cãi vã. Khoảng tháng 5 hoặc tháng 6/2024 do vợ chồng xảy ra cãi vã, chị L ghen tuông nên đã tự ý bỏ về nhà cha mẹ đẻ tại Long Khánh để sống cho đến nay. Từ tháng 6/2024 đến nay, anh A có cố gắng hòa giải với chị L để quay về sống

chung những vợ chồng ít khi gặp mặt mà chỉ trao đổi qua điện thoại, tuy nhiên chị L vẫn kiên quyết ly hôn.

Nay anh A xác định vẫn còn thương vợ và không đồng ý ly hôn do anh mong muốn con có đủ cả cha lẫn mẹ.

*Về con chung:* Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Vũ Tấn P, sinh ngày 16/11/2019. Khi ly hôn anh A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu P và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh làm công nhân thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 7.000.000 đồng. Trường hợp Tòa án giao cháu P cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng anh A đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

*Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai:**

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hồng L được ly hôn với anh Vũ Tấn A; Về con chung: Giao cháu Vũ Tấn P, sinh ngày 16/11/2019 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng); Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Hồng L và anh Vũ Tấn A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và giải quyết nuôi con chung, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh Vũ Tấn A hiện đang cư trú tại số 351/9, khu phố P, thị trấn D, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Thống Nhất theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Hồng L và anh Vũ Tấn A tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/9/2019. Căn cứ các Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân của chị L, anh A là hợp pháp.

Về yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh A, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án cả chị L và anh A đều thừa nhận thời gian vợ chồng anh chị chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, vợ chồng hay có sự nghi ngờ và thiếu sự tin tưởng nhau. Anh A cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng và có lời qua tiếng lại, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian nhưng không có hướng khắc phục mâu thuẫn, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì còn thương chị L và mong muốn con cái có gia đình đầy đủ cả cha lẫn mẹ cùng nhau nuôi dạy con. Anh cũng thừa nhận thời gian vợ chồng ly thân anh đã nhiều lần khuyên nhủ chị L về chung sống nhưng không được. Qua xác minh của người thân của anh chị cho thấy cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh chị đã thiếu sự quan tâm, yêu thương và tôn trọng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức Hòa giải để giúp anh chị có cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng ông An đều vắng mặt, cả anh A và chị L đều không có ý thức hàn gắn hay có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra. Điều này cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh A đã trầm trọng, kéo dài nhưng không có hướng khắc phục, tình cảm vợ chồng không có điều kiện để hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Vợ chồng chị L và anh An chung sống có 01 (một) con chung là cháu Vũ Tấn P, sinh ngày 16/11/2019, hiện đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, đồng thời chị L cũng đề nghị được tiếp tục nuôi con nếu tòa án giải quyết ly hôn.

Xét việc nuôi con chung sau khi ly hôn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình vợ chồng chị L và anh A xảy ra mâu thuẫn phải sống ly thân con chung do chị L nuôi dưỡng. Anh A có thỉnh thoảng lên đón cháu về nhà nội chơi. Hiện tại

con chung đang sống chung với chị L, chị L hiện phụ giúp gia đình anh chị cho 7 triệu/tháng. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường, khỏe mạnh về thể chất và tinh thần, không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của con trẻ cần tiếp tục giao cháu Vũ Tấn P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh A thống nhất trường hợp Tòa án giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng), chị L cũng thống nhất nội dung cấp dưỡng nêu trên nên Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị về cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Chị L và anh A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hồng L về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Hồng L được ly hôn với anh Vũ Tấn An.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cháu Vũ Tấn P, sinh ngày 16/11/2019 cho chị Trần Thị Hồng L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

*Về cấp dưỡng nuôi con:* Anh Vũ Tấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị L mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Thời điểm kết thúc cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh Vũ Tấn A được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Trần Thị Hồng L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008021 ngày 01/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

*Về án phí cấp dưỡng nuôi con:* Anh Vũ Tấn A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Trần Thị Hồng L và anh Vũ Tấn A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- Chi cục THADS huyện Thống Nhất;
- UBND phường Xuân Lập, TP. Long Khánh,  
T. Đồng Nai (số ĐKKH 61 ngày 16/9/2019);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Lan**







